

Bản án số: 69/2020/HS-ST
Ngày: 30-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu – Hiệu trưởng trường THCS xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nga – Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Nghiêm, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 78/2020/TLST-HS ngày 18/09/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 19/09/2020 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn D (tên gọi khác: Phạm Văn T), sinh ngày 12 tháng 7 năm 1965 tại tỉnh Ninh Bình. Nơi cư trú: Thôn Q, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); vợ là Bùi Thị Mỹ C (chết); có 01 con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 09/12/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1987 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Nguyễn Thị Đ; chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 06/11/2007 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 15 năm tù về tội “Giết người” và 01 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, tổng hợp hình phạt là 16 năm, ngày 31/8/2015 được đặc xá trở về địa phương, chưa được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 09/12/2019 đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trịnh Thị T (tên gọi khác: Tuyết), sinh ngày 08 tháng 02 năm 1982 tại Tây Ninh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Đình L (chết) và bà Nhâm Thị H (chết); có chồng đã ly hôn; có 02 con, con lớn sinh năm 2001 và nhỏ sinh năm 2005; tiền sự: không;

Tiền án: Ngày 06/8/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 2 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; đến ngày 06/02/2019 chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Bị tạm giữ, tạm giam: Ngày 09/12/2019 đến ngày 21/01/2020 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2004; địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1973 (cha) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (mẹ); địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã T, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; chị T, ông T, bà T đều vắng mặt.

- Chị Dương Thị Bích G, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 127/5 đường N, tổ 2, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Anh Trần Khánh H, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 72 đường N, tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm S, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi làm việc: Công ty B, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 7, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Chị Phạm Thị Thanh S, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- Anh Trương Quang S, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 9, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D quen biết với Trịnh Thị T và biết T có chỗ bán xe trộm cắp không có giấy tờ nên cả hai cho nhau số điện thoại và thỏa thuận khi nào Phạm Văn D có xe không có giấy tờ gửi vô cho T thì T sẽ tìm mối bán. Khi bán được xe, T lấy tiền công 1.000.000 đồng/chiếc, số tiền còn lại T sẽ trả tiền vận chuyển

xe và gửi vô tài khoản cho Phạm Văn D.

Đồng thời, Phạm Văn D có quen biết trước đó với Nguyễn Văn S nên trong tháng 11/2019, Phạm Văn D đến thành phố Quảng Ngãi thăm Nguyễn Văn S và được Nguyễn Văn S dẫn về phòng trọ ở đường Chu Văn An, thành phố Quảng Ngãi. Tại đây, Phạm Văn D và Nguyễn Văn S cùng nhau trộm cắp xe mô tô các loại bán lấy tiền tiêu xài, Phạm Văn D chuẩn bị trước bộ “đoản” mở khóa xe mô tô. Nguyễn Văn S đồng ý nên trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến ngày 06/12/2019, Nguyễn Văn S và Phạm Văn D đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp 05 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi, như sau:

Lần 1: Vào khoảng 18 giờ ngày 11/11/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến vòng xoay phường Trương Quang Trọng rồi rẽ phải đến khu vực thuộc tổ dân phố Trường Thọ Đông B, phường Trương Quang Trọng thì phát hiện xe mô tô hiệu Future biển số 76D1 – 383.74 của anh Nguyễn Tấn T đang dựng trước quán nhậu Sơn Tịnh nên Nguyễn Văn S dừng xe, Phạm Văn D đi bộ đến dùng đoản phá khóa xe mô tô 76D1 – 383.74 rồi điều khiển xe tẩu thoát. Cả hai đem xe đến quốc lộ 1A đón xe khách gửi vào thành phố Hồ Chí Minh cho T tiêu thụ nhưng không liên lạc được nên Phạm Văn D điện thoại cho đối tượng tên Dũng để nhận xe mô tô 76D1 – 383.74 bán giúp. Tuy nhiên, sau khi nhận được xe tên Dũng đã cắt liên lạc với Phạm Văn D nên Phạm Văn D không nhận được tiền bán xe và Phạm Văn D không biết tên Dũng đã bán xe cho ai nên không thu hồi được.

Tại kết luận số 11/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 26/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Future biển số 76D1 – 383.74, trị giá: 21.000.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 18 giờ ngày 29/11/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến vòng xoay phường Trương Quang Trọng rồi rẽ xuống hướng Đông vào 01 hẻm thuộc tổ dân phố Liên Hiệp 2C, phường Trương Quang Trọng thì phát hiện trước nhà chị Nguyễn Thị Mỹ Nữ có dựng nhiều xe mô tô, không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Phạm Văn D đi bộ đến dùng đoản phá khóa xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 76D1 – 457.68 của Đỗ Thị Thu T rồi điều khiển xe tẩu thoát. Cả hai đem xe đến quốc lộ 1A đón xe khách gửi vào thành phố Hồ Chí Minh cho T tiêu thụ.

Sau khi nhận được xe, T đem xe lên khu vực biên giới Campuchia bán cho người đàn ông tên TaDan (không rõ lai lịch) với số tiền 10.000.000 đồng, T lấy 1.000.000 đồng tiền công, 500.000 đồng tiền cước xe rồi gửi cho Phạm Văn D 8.500.000 đồng. Phạm Văn D chia cho Nguyễn Văn S 2.800.000 đồng.

Tại kết luận số 02/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Wave RSX biển số 76D1 – 457.68, trị giá: 19.000.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng 13 giờ ngày 05/12/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô biển số 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến đoạn đường ray tàu hỏa trên đường Nguyễn Thụy rồi để Phạm Văn D đi bộ tìm xe, còn Nguyễn Văn S đứng đợi. Phạm Văn D đi bộ vào hẻm số 127 đường Nguyễn Thụy phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen, biển số 76D1 – 215.18 của chị Dương Thị Bích G không có người trông coi, nên Phạm Văn D đến dùng đoản phá ổ khóa xe rồi điều khiển

đến chỗ Nguyễn Văn S đợi. Sau đó, mỗi người điều khiển 01 chiếc xe ra trước cổng khu công nghiệp Viship thuộc xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh rồi gửi xe 76D1 – 215.18 lên xe khách Minh Phương chạy tuyến Huế - thành phố Hồ Chí Minh vào bến xe miền Đông cho Trịnh Thị T. Đến sáng ngày 06/12/2019, Phạm Văn D tự lấy tiền cá nhân đưa cho Nguyễn Văn S số tiền 1.800.000 đồng.

Như đã giao hẹn trước, khoảng 8 giờ ngày 06/12/2019, T đón xe khách từ huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh lên TP Hồ Chí Minh đến bến xe miền Đông nhận chiếc xe 76D1 – 215.18 thì bị Công an tỉnh Quảng Ngãi phát hiện mời về làm việc và T đã khai nhận nội dung như trên. Ngoài ra, T còn nhận 01 xe mô tô biển số 34C1 – 368.32 do tên Long (không rõ nhân thân lai lịch) gửi vào cho T nhưng T đang làm việc với Cơ quan điều tra nên xe 34C1 – 368.32 được tạm giữ.

Tại kết luận số 49/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Wave màu đen, biển số 76D1 – 215.18, trị giá: 9.000.000 đồng.

Lần 4: Vào khoảng 17 giờ ngày 05/12/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến đoạn đường H, thành phố Q phát hiện 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đen, biển số 76B1 – 493.35 của anh Nguyễn Văn T đang dựng trên vỉa hè không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe lại, Phạm Văn D đi bộ đến dùng đoản phá ổ khóa xe rồi điều khiển xe này cùng với Nguyễn Văn S tẩu thoát. Đến trưa ngày 06/12/2019, Nguyễn Văn S và Phạm Văn D điều khiển xe 76B1 – 493.35 ra quốc lộ 1A hướng Núi Thành, Quảng Nam rồi Phạm Văn D liên lạc với nhà xe Minh Phương để gửi chiếc xe 76B1 – 493.35 vào bến xe miền Đông cho T tiêu thụ. Phạm Văn D điện cho T để T nhận xe thì lúc này T đang làm việc với cơ quan điều tra công an tỉnh Quảng Ngãi nên nói Phạm Văn D gửi xe vào. Đến ngày 07/12/2019, T nhận xe mô tô 76B1 – 493.35 từ xe khách và giao nộp cho cơ quan công an tỉnh Quảng Ngãi.

Tại kết luận số 49/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Wave, màu đen, biển số 76B1 – 493.35, trị giá: 17.000.000 đồng.

Lần 5: Vào khoảng 21 giờ ngày 06/12/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến đường Nguyễn Tự Tân, TP Quảng Ngãi phát hiện 01 chiếc xe mô tô hiệu Future, màu xanh, biển số 76B1 – 271.45 của anh Trần Khánh H đang dựng trên vỉa hè, không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Phạm Văn D đến dùng đoản phá ổ khóa xe 76B1 – 271.45 rồi điều khiển xe này cùng Nguyễn Văn S đến vòng xoay cầu Trà Khúc I. Tại đây, Phạm Văn D đưa xe 76B1 – 271.45 cho Nguyễn Văn S điều khiển đến quán cà phê Nhật Long Viên ở gần vòng xoay này gửi vào bãi giữ xe rồi cả hai bỏ đi (xe này Cơ quan điều tra đã thu hồi).

Tại kết luận số 49/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 17/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Future, màu xanh, biển số 76B1 – 271.45, trị giá: 20.000.000 đồng.

Đồng thời, Nguyễn Văn S và Phạm Văn D đã cùng nhau trộm cắp 01 xe mô tô nhưng chưa xác định được người bị hại, cụ thể:

Vào khoảng thời gian tháng 11/2019 (không nhớ ngày), Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Phạm Văn D đến 01 hẻm thuộc phường T, thành phố Q, phát hiện 01 xe mô tô hiệu Blade (không nhớ biển số), không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Phạm Văn D đến dùng đoản phá ổ khóa xe này rồi điều khiển xe này cùng Nguyễn Văn S đến quốc lộ 1A rồi gửi xe trộm được vào bến xe miền Đông cho T. Sau khi nhận xe, T bán qua Campuchia với giá 10.000.000 đồng. T lấy 1.000.000 đồng tiền công, 500.000 đồng tiền cước gửi xe khách và Phạm Văn D nói T đưa trước cho bạn Phạm Văn D tên Lê Mộng Hoàng Trúc (không rõ lai lịch) số tiền 4.000.000 đồng, còn lại T cho Phạm Văn D mượn thêm số tiền 1.000.000 đồng nữa nên T đã chuyển khoản cho Phạm Văn D số tiền 5.500.000 đồng. Nhận được tiền Phạm Văn D chia cho Nguyễn Văn S 2.800.000 đồng (xe này Cơ quan điều tra không thu hồi được).

Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và thông báo truy tìm người bị hại nhưng hiện nay chưa xác định được bị hại nên cơ quan điều tra không có căn cứ định giá đối với xe mô tô hiệu Blade.

Ngoài ra, tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn S còn khai nhận đã cùng với Trương Quang S ở tổ 9, phường T, thành phố Q 03 lần trộm cắp 03 chiếc xe mô tô các loại trên địa bàn thành phố Q để bán lấy tiền tiêu xài nhưng hiện Trương Quang S không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng 20 giờ ngày 11/11/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Trương Quang S đến đường N, thành phố Q theo hướng Nam – Bắc, khi đến đoạn ngã ba mũi tàu thuộc phường T, thành phố Q thì rẽ trái vào hẻm phát hiện 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số 76E1 – 362.34 của anh Nguyễn Thanh T để trước dãy phòng trọ, không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Trương Quang S đến dùng đoản phá ổ khóa xe rồi điều khiển xe bỏ trốn. Sau đó, Trương Quang S bán xe 76E1 – 36234 cho ai Nguyễn Văn S không biết nhưng Trương Quang S cho Nguyễn Văn S số tiền 2.500.000 đồng. Hiện chưa xác định được xe này được bán ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu hồi xe được.

Tại kết luận số 02/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Airblade, biển số 76E1 – 362.34, trị giá: 30.000.000 đồng.

Lần 2: Vào khoảng 20 giờ ngày 02/12/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe mô tô 76D1 – 349.79 chở Trương Quang S trên đường C, thành phố Q theo hướng Bắc – Nam, phát hiện xe mô tô hiệu Sirius biển số 20M2 – 4095 của anh Phạm Văn T đang dựng trên vỉa hè, không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Trương Quang S đến dùng đoản phá ổ khóa xe rồi điều khiển xe bỏ trốn. Xe do Trương Quang S cất giữ nên hiện chưa xác định được xe này ở đâu do đó chưa thu hồi được.

Tại kết luận số 02/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 15/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 20M2 – 4095, trị giá: 5.000.000 đồng.

Lần 3: Vào khoảng 20 giờ ngày 04/12/2019, Nguyễn Văn S điều khiển xe

mô tô 76D1 – 349.79 chở Trương Quang S đến hẻm cạnh nghĩa trang phường Quảng Phú thuộc đường H, thành phố Q phát hiện 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen – trắng, biển số 76D1 – 241.48 của chị Đoàn Thị T đang dựng bên cạnh tiệm hớt tóc Ngọc Hằng, không có người trông coi nên Nguyễn Văn S dừng xe, Trương Quang S đến dùng đoản phá ổ khóa xe 76D1 – 241.48 rồi điều khiển xe bỏ trốn. Xe do Trương Quang S cất giữ nên hiện chưa xác định được xe này đang ở đâu. Vì vậy, cơ quan điều tra chưa thu hồi được.

Tại kết luận số 11/KL-HĐ ĐGTTTHS ngày 26/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Quảng Ngãi tiến hành định giá, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Sirius màu đen – trắng, biển số 76D1 – 241.48, trị giá: 12.000.000 đồng.

Tóm lại, Nguyễn Văn S đã cùng với Phạm Văn D và Trương Quang S thực hiện tổng cộng 09 lần trộm cắp 09 chiếc xe mô tô các loại, trong đó 08 lần xác định được bị hại với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 133.000.000 đồng.

Phạm Văn D cùng với Nguyễn Văn S 06 lần trộm cắp 06 chiếc xe mô tô các loại trong đó có 01 lần chưa xác định được bị hại với tổng trị giá tài sản là 86.000.000 đồng.

Trịnh Thị T tuy nhận của Phạm Văn D 04 chiếc xe mô tô các loại nhưng chiếc xe thứ 4 là do phối hợp với Cơ quan điều tra để nhận xe trả cho người bị hại nên T cùng với Phạm Văn D trộm cắp 03 chiếc xe mô tô các loại, trong đó có 01 lần chưa xác định được bị hại với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 28.000.000 đồng.

Nguyễn Văn S và Trương Quang S đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp 03 xe mô tô các loại với tổng trị giá tài sản là 47.000.000 đồng.

Đối với các đối tượng có liên quan trong vụ án:

Đối với Trương Quang S đã cùng Nguyễn Văn S thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên “TaDan” người mà Trịnh Thị T khai đã bán xe trộm cắp cho người này qua đường tiểu ngạch ở Campuchia. Tuy nhiên T không cung cấp được thông tin về nhân thân lai lịch của người này đồng thời khi liên lạc mua bán chỉ bằng Zalo nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh, cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với đối tượng tên “Dũng” chạy xe ôm ở bến xe miền Đông do Phạm Văn D không cung cấp được thông tin về nhân thân lai lịch của đối tượng này nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh sẽ tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với Lê Mộng Hoàng Trúc là bạn gái của Phạm Văn D do Phạm Văn D không cung cấp được nhân thân lai lịch của Trúc nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, làm rõ đồng thời khi T chuyển tiền cho Trúc cả Phạm Văn D và T đều không nói nguồn gốc tiền ở đâu mà có, Phạm Văn D xác nhận chỉ gửi cho Trúc để trả tiền thuê nhà.

Đối với Phạm Thị Thanh S là con gái Trịnh Thị T, ngày 06/02/2020 T nhờ Nguyễn Văn S chở đến bến xe miền Đông nhận xe do Phạm Văn D gửi vào. Tuy

nhien, Nguyễn Văn S không biết xe mô tô T nhận là xe do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ.

Đối với tên “Long” – người đã gửi cho T chiếc xe mô tô biển số 34C1 – 368.32: Hiện cơ quan điều tra công an huyện Ứng Hòa, Hà Nội đang thụ lý điều tra vụ án liên quan đến chiếc xe 34C1 – 368.32 nên Cơ quan điều tra đã tách phần liên quan đến chiếc xe này chuyển cho Cơ quan điều tra Công an huyện Ứng Hòa xác minh làm rõ nhân thân lai lịch của đối tượng tên “Long”.

Tại bản cáo trạng số 38/CT-VKS ngày 01/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S, về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và Trịnh Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Phạm Văn D) xử phạt Phạm Văn D từ 4 năm đến 5 năm tù về tội : “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Nguyễn Văn S) xử phạt Nguyễn Văn S từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trịnh Thị T, xử phạt bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị tài sản cho những bị hại (anh Nguyễn Tấn T, chị Đỗ Thị Thu T, anh Nguyễn Thanh T, anh Phạm Văn T, chị Đoàn Thị T). Về xử lý vật chứng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S và Trịnh Thị T là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng để có tiền chi tiêu thỏa mãn nhu cầu cá nhân, trong thời gian từ tháng 11/2019 đến ngày 06/12/2019, các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu đã lén lút trộm cắp xe mô tô là tài sản có giá trị của người dân đang dựng trước nhà, để bên lề đường trên các đoạn đường thuộc địa bàn thành phố Q. Tổng cộng các bị cáo thực hiện 09 vụ trộm cắp tài sản gồm 9 chiếc xe mô tô các loại với tổng giá trị tài sản trộm cắp được định giá là 133.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu đồng*), trong đó có 01 vụ trộm cắp tài sản không xác định được loại xe và người bị hại.

Trong vụ án bị cáo Phạm Văn D là người khởi xướng, rủ rê đồng bọn cùng thực hiện hành vi phạm tội và cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội

tích cực như chuẩn bị công cụ, phương tiện, dùng đoản phá các ổ khóa xe mô tô để trộm cắp tài sản rồi sau đó gửi vào thành phố Hồ Chí Minh cho Trịnh Thị T nhờ T bán cho người khác được 02 chiếc xe, các xe còn lại Phạm Văn D chuyển nhờ người khác bán không rõ lai lịch, không thu hồi được, một số xe cơ quan điều tra đã phát hiện kịp thời thu giữ. Phạm Văn D cùng đồng phạm thực hiện tổng cộng 06 lần trộm cắp xe mô tô các loại, trong đó có 01 lần chưa xác định được bị hại với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 86.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn S là người 09 lần trực tiếp điều khiển phương tiện chở Trương Quang S, Phạm Văn D tìm tài sản (xe mô tô) của người dân để sơ hở nhằm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo cùng đồng phạm thực hiện tổng cộng 09 lần trộm cắp tài sản, trong đó có 01 lần chưa xác định được bị hại với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 133.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trịnh Thị T là người trực tiếp nhận 03 xe mô tô do Phạm Văn D gửi vào, bán lấy tiền công được 02 chiếc xe, hưởng lợi 2.000.000 đồng, số tiền còn lại sau khi bán xe bị cáo chuyển lại cho Phạm Văn D và đồng bọn. Bị cáo là đồng phạm với vai trò giúp sức như hứa hẹn trước với Phạm Văn D và trực tiếp giúp Phạm Văn D tìm người tiêu thụ xe mô tô do Phạm Văn D và Nguyễn Văn S trộm cắp được mà có, trong đó có 01 lần chưa xác định được bị hại. Tổng trị giá tài sản bị cáo và đồng bọn chiếm đoạt được định giá là 28.000.000 đồng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm về quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Q.

Với hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị T, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Trịnh Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Phạm Văn D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 5 lần, bị cáo Nguyễn Văn S thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 8 lần, bị cáo Trịnh Thị T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản 02 lần đều xác định được người bị hại, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000 đồng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Nhân thân bị cáo S, T đã có tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý là tái phạm.

[4] Xét đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự phân công vai trò chặt chẽ với nhau khi thực hiện hành vi phạm tội, tài sản sau khi trộm cắp bán được 02 chiếc xe mô tô, 07 chiếc còn lại chưa bán được, tiền bán hai chiếc xe cả ba bị cáo chia nhau hưởng lợi, sử dụng vào việc ăn chơi, tiêu xài cá nhân. Các bị cáo Phạm Văn D và Nguyễn Văn S không dùng tiền bán xe có được làm nguồn sống chính, nên hành vi phạm tội của các bị cáo không thuộc trường hợp phạm

tội có tổ chức và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[5] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo Nguyễn Văn S gia đình có công cách mạng (bà ngoại là mẹ Việt Nam anh hùng), bị cáo Trịnh Thị T nộp số tiền 2.000.000 đồng khắc phục một phần hậu quả, bị cáo Nguyễn Văn S đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Tấn T số tiền 5.000.000 đồng được anh Thành xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo (áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo T, Nguyễn Văn S và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo S) giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo khi quyết định mức hình phạt.

[6] Theo lời khai của Phạm Văn D tại hồ sơ (bút lục 191-192, 168-169): Lần 1, Phạm Văn D bị TAND thành phố Quy Nhơn xử phạt 2 năm tù và lần 2, bị TAND thành phố Quy Nhơn xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành án xong tại trại Giam Kim Sơn từ năm 2007 đến năm 2009 với tên Phạm Văn Giáp, sinh năm 1965, chỗ ở xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Theo công văn số 271/CV –TGKS ngày 13/3/2020 của Trại Giam Kim Sơn cung cấp qua kiểm tra, rà soát sổ sách đang lưu trữ, trại giam Kim Sơn không có trường hợp nào có tên là Phạm Văn D, tên gọi khác Phạm Văn T, sinh năm 1965, hộ khẩu ở Thôn Quảng Hạ, xã Yên Thắng, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình) hoặc tên Phạm Văn Giáp, sinh năm 1965, cư trú ở xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã chấp hành án tại trại giam này. Theo tài liệu tại hồ sơ trích lục tiền án, tiền sự Công an tỉnh Ninh Bình, Công an tỉnh Quảng Ngãi, tài liệu của Bộ Công an xác định Phạm Văn D chưa có tiền án, tiền sự.

Tại phiên tòa ngày 11/9/2020, ngày 30/9/2020 Phạm Văn D khai đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 18 tháng tù, lần thứ hai bị xử phạt hơn 2 năm tù, sau đó lại khai chỉ 01 lần bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt tại trại giam Kim Sơn, tỉnh Bình Định năm 2010 và khai họ tên là Phạm Văn T, sinh năm 1965 ở tổ 5, thôn Điền Phước, xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bản thân bị cáo quê ở tỉnh Ninh Bình nhưng từng sinh sống ở nhiều địa phương khác nhau. Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát yêu cầu điều tra, bổ sung làm rõ đặc điểm nhân thân bị cáo (tiền sự, tiền án) và tên khai sinh, tên gọi khác của bị cáo là căn cứ xác định tình tiết tăng nặng, tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn D. Cơ quan điều tra đã tiếp tục xác minh thu thập tài liệu về nhân thân của Phạm Văn D nhưng kết quả không có tài liệu xác định Phạm Văn D (tên gọi theo bị cáo khai là Phạm Văn T, Phạm Văn Giáp) có các địa chỉ như bị cáo Phạm Văn D đã khai đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt về tội trộm cắp tài sản, đã chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định về nhân thân, tiền án, tiền sự của Phạm Văn D.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị T đã thực hiện hành vi trộm cắp 9 chiếc xe mô tô, trong đó có 01 chiếc xe do bị cáo Nguyễn Văn S khai nhận nhưng không xác định được loại xe, biển số và người bị hại, còn lại 8 chiếc

xe mô tô các bị cáo trộm cắp Cơ quan điều tra đã thu giữ được 03 chiếc xe mô tô và giao trả lại cho chủ sở hữu gồm: Trả lại cho anh Nguyễn Văn T xe mô tô hiệu Ware, biển số 76B1 – 493.35; trả lại cho chị Dương Thị Bích G xe mô tô hiệu Ware, biển số 76D1 – 215.18; trả lại cho anh Trần Khánh H xe mô tô hiệu Future, biển số 76B1 – 271.45, những bị hại trên không còn yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên không xét.

Đối với 5 chiếc xe mô tô còn lại sau khi trộm cắp các bị cáo đã chuyển cho bị cáo T và người khác không nhớ lai lịch, không thu hồi được nên những người bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại giá trị tài sản (xe mô tô) theo định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự, cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Tấn T yêu cầu các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Văn D bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Future, biển số 76D1 – 383.74 là 21.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 10.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Nguyễn Văn S đã bồi thường cho anh Thành được 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường tiếp cho anh Thành 5.500.000 đồng.

Chị Đỗ Thị Thu T yêu cầu các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn S, Trịnh Thị T bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX, biển số 76D1 – 457.68 là 19.000.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường là 6.333.333 đồng.

Anh Nguyễn Thanh T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 76E1 – 362.34 là 30.000.000 đồng.

Anh Phạm Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 20M2 - 4095 là 5.000.000 đồng.

Chị Đoàn Thị T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S bồi thường giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 76D1 – 241.48 là 12.000.000 đồng.

Xét, yêu cầu của những người bị hại là phù hợp nên buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Văn D, Trịnh Thị T phải liên đới bồi thường giá trị tài sản cho những người bị hại theo Điều 288, 584, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, mỗi bị cáo phải bồi thường chia theo phần bằng nhau. Đối với tài sản 3 chiếc xe mô tô Nguyễn Văn S khai nhận cùng thực hiện hành vi trộm cắp với Trương Quang S buộc Nguyễn Văn S bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại do Trương Quang S hiện nay không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được và sẽ tiếp tục xác minh làm việc xử lý sau. Khi nào Nguyễn Văn S bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại có quyền làm đơn yêu cầu Trương Quang S hoàn trả lại phần giá trị tài sản mà bị cáo đã bồi thường thay cho Trương Quang S (phần Trương Quang S đáng lẽ phải bồi thường) bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô hiệu StarX, màu trắng xanh đen, biển số: 76D1 – 349.79 chủ sở hữu của Nguyễn Văn S. Bị cáo S sử dụng làm phương tiện chở đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, màu trắng nâu, biển số 59L2 – 002.71 và 01 giấy đăng ký xe 59L2 – 002.71 mang tên Trịnh Minh Tấn. Qua xác minh đây là xe mô tô của anh Trịnh Minh Tấn bị mất trộm ở quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi chuyển giao cho Công an quận Bình Tân thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Đối với xe mô tô hiệu Sirius màu trắng đỏ, biển số: 76B1 – 284.84 và 01 giấy đăng ký xe mô tô 76B1 – 284.84 mang tên Nguyễn Cẩm Tú ở tổ 17, phường Q, thành phố Q, cơ quan điều tra thu tại phòng trọ của Nguyễn Văn S. Xe này Nguyễn Văn S khai là xe của đối tượng tên Dũng (không rõ nhân thân lai lịch) cần nợ cho Nguyễn Văn S. Qua tra cứu xác định chị Tú là chủ sở hữu xe này nhưng hiện tại chị Tú cùng gia đình không có mặt tại địa phương nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tách xe này ra khỏi hồ sơ để tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ đề nghị xử lý sau.

Đối với 01 xe mô tô Wave, biển số 34C1 – 368.32, số máy: JA39E0577702, số khung: RLHJA3900HY602559: Xe này do tên Long (không rõ lai lịch gửi cho T. Qua tra cứu thông tin xác định xe mô tô có số máy: JA39E0577702, số khung: RLHJA3900HY602559 có biển số chính xác là: 29Y3 – 470.25 do anh Nguyễn Khắc Tâm (SN: 1982; HKTT: thôn Đình Xuyên, xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội) là chủ sở hữu, xe này anh Tâm xác nhận bị mất ngày 02/12/2019 tại xã Hòa Nam, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội. Hiện Cơ quan điều tra huyện Ứng Hòa đang tiến hành điều tra nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi tách xe này ra chuyển cho Công an huyện Ứng Hòa thụ lý điều tra theo thẩm quyền.

Đối với 04 điện thoại di động đã thu giữ, gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Phạm Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Xiamo có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng của Nguyễn Văn S và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng nhạt của Trịnh Thị T. Đây là phương tiện các bị cáo đã sử dụng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Hồng Tuyết, là giấy chứng minh nhân dân T nhặt được rồi dán hình của mình vào và sử dụng để chuyển tiền cho Phạm Văn D được lưu kèm theo hồ sơ vụ án nên không xử lý.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn D, 01 thẻ ngân hàng ACB số thẻ 9704162091088490 mang tên Phạm Văn D không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Phạm Văn D.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank, 01 thẻ vay tiêu dùng tín chấp mang tên Nguyễn Văn S không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình Nguyễn Văn S.

Đối với 01 thẻ căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Trịnh Thị T không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho T.

Đối với số tang vật gồm: 01 thanh kim loại tròn, kiểu dáng chữ L, có dán băng keo xanh của Phạm Văn D dùng để phá ổ khóa xe; 01 búa kim loại bằng sắt, dài khoảng 25cm, cán bằng gỗ; 01 kìm kim loại có tay cầm bằng nhựa; 03 tua vít dài khoảng từ 10-20cm; 02 cặp găng tay cao su; 01 bịch khẩu trang y tế; 02 đoạn kim loại màu vàng, dài khoảng 20cm; 04 kính chiếu hậu xe mô tô; 01 típ bằng kim loại có hình dạng 3 cạnh (dạng chữ T); 01 thanh kim loại dài khoảng 5cm

dùng để bẻ khóa xe máy; 06 chìa khóa xe máy các loại đã thu giữ của bị can Nguyễn Văn S; 01 túi vải bên trong có 08 chìa khóa xe máy; 01 bộ dụng cụ bằng kim loại có 02 phần, phần 1 có hình dạng chữ L chiều dài khoảng 12cm được tiếp nối với phần thứ 2 có chiều dài khoảng 08cm có 01 đầu nhọn; 02 vật bằng nhựa có gắn 02 thanh kim loại có kích thước (01x02) cm thu giữ của bị can T. Trong số các loại này có một số các bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp xe và một số không liên quan các bị cáo không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt tù, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đối với ba bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Về mức hình phạt đối với bị cáo Trịnh Thị T xét xử mức thấp hơn so với đề nghị của Viện kiểm sát cũng đảm bảo tương xứng với tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện.

[10] Các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch tính trên tổng số tiền phải trả lại cho bị hại, cụ thể: Phạm Văn D phải chịu 841.667 đồng; Nguyễn Văn S phải chịu 2.941.667 đồng, Trịnh Thị T phải chịu 316.667 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Phạm Văn D 4 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **09/12/2019**.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Nguyễn Văn S 5 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **09/12/2019**.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 58, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt Trịnh Thị T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày **09/12/2019 đến ngày 21/01/2020**.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 288, 584, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Văn D, Trịnh Thị T phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại, phần mỗi bị cáo phải bồi thường như sau:

Nguyễn Văn S phải bồi thường thiệt hại cho: Anh Nguyễn Tấn T 5.500.000 đồng, chị Đỗ Thị Thu T 6.333.333 đồng, anh Nguyễn Thanh T 30.000.000 đồng, anh Phạm Văn T là 5.000.000 đồng, chị Đoàn Thị T là 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 58.833.333 đồng (*Năm mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Phạm Văn D phải bồi thường thiệt hại cho: Nguyễn Tấn T 10.500.000 đồng, chị Đỗ Thị Thu T 6.333.333 đồng. Tổng cộng là 16.833.333 đồng (*Mười sáu triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Trịnh Thị T phải bồi thường thiệt hại cho: Chị Đỗ Thị Thu T 6.333.333 đồng (*Sáu triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu và sung quỹ Nhà nước: 01 xe mô tô hiệu StarX, màu trắng xanh đen, biển số: 76D1 – 349.79 chủ sở hữu của Nguyễn Văn S; 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Oppo của Phạm Văn D; 01 điện thoại di động hiệu Xiamo có mặt trước màu trắng, mặt sau màu vàng đồng của Nguyễn Văn S và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu hồng nhạt của Trịnh Thị T.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 đôi giày màu xanh đậm, đế trắng có dòng chữ Sport; 01 thanh kim loại tròn, kiểu dáng chữ L; 01 búa kim loại bằng sắt; 01 kìm kim loại có tay cầm bằng nhựa; 03 tua vít dài khoảng từ 10-20cm; 02 cặp gang tay cao su; 01 bịch khẩu trang y tế; 02 đoạn kim loại màu vàng, dài khoảng 20cm; 04 kính chiếu hậu xe mô tô; 01 tốp bằng kim loại có hình dạng 3 cạnh (dạng chữ T); 01 thanh kim loại dài khoảng 5cm; 06 chìa khóa xe máy các loại; 01 túi vải bên trong có 08 chìa khóa xe máy; 01 bộ dụng cụ bằng kim loại có 02 phần, phần 1 có hình dạng chữ L chiều dài khoảng 12cm được tiếp nối với phần thứ 2 có chiều dài khoảng 08cm có 01 đầu nhọn; 02 vật bằng nhựa có gắn 02 thanh kim loại có kích thước (01x02)cm.

(*Các vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 31/7/2020 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Trịnh Thị T đã nộp để đảm bảo thi hành án, đã được Công an thành phố Quảng Ngãi nộp vào tài khoản số 3949.0.9043031.00000 tại Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi, theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 06/5/2020.

7. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn S, Phạm Văn D, Trịnh Thị T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải chịu 841.667 đồng (*Tám trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 2.941.667 đồng (*Hai triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Trịnh Thị T phải chịu 316.667 đồng (*Ba trăm mười sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

8. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CATP Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CATP Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Mai Hạnh

